

Lập luận và chứng cứ phi lý, phản khoa học của Trung Quốc về chủ quyền trên Biển Đông và hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa

GS.TSKH VŨ MINH GIANG

Đại học Quốc gia Hà Nội

Với việc hạ đặt trái phép giàn khoan Hải Dương 981 tại vùng đặc quyền kinh tế, trong thêm lục địa của Việt Nam, bất chấp sự phản đối quyết liệt của nước chủ nhà và dư luận quốc tế, Trung Quốc đã công khai với thế giới tham vọng độc chiếm Biển Đông, bao gồm cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam mà họ đã áp ủ từ lâu.

Bên cạnh những hành động ngang ngược nhằm thị uy sức mạnh, Trung Quốc còn ra sức tuyên truyền bằng cách ngụy tạo chứng cứ, đổi trắng thay đen, bất chấp sự thật khách quan. Họ đã huy động một lực lượng khổng lồ và đầu tư lớn cho việc ngụy tạo này. Xem xét một cách khách quan các lập luận và hệ thống chứng lý do phía Trung Quốc đưa ra, có thể không khó để nhận ra tính chất phi lý và phản khoa học.

Từ khoá: lập luận, chứng cứ, phi lý, phản khoa học, độc chiếm Biển Đông.

THE IRRATIONAL ARGUMENTS AND UNSCIENTIFIC EVIDENCES OF CHINA ON SOVEREIGNTY OVER EAST SEA AND TWO ARCHIPELAGOES: HOANG SA AND TRUONG SA

Summary

Along with the use of armed force to seize unlawfully the islands of the two archipelagoes: Hoang Sa and Truong Sa of Vietnam, China also tried to build arguments and evidences to create a defense for their wrongful act and the monopolization of the East Sea. Although China has mobilized a huge force and a large investment for this work, what they come up with so far is irrational and unscientific. The simple truth is Hoang Sa and Truong Sa never belong to China.

Keywords: arguments, evidence, irrational, unscientific, monopolize the East Sea.

Chúng ta có thể thấy rõ tính chất phi lý, phản khoa học của những lập luận và chứng lý mà phía Trung Quốc nêu ra trong việc cho rằng hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (Trung Quốc gọi là Tây Sa và Nam Sa) thuộc chủ quyền của họ. Về đại thể, Trung Quốc tập trung tuyên truyền theo những luận điểm và sự kiện mà họ gọi là bằng chứng không thể chối cãi (bất khả tranh nghị) sau đây:

1. Người Trung Quốc đã phát hiện và khai thác hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, làm chủ Biển Đông (trong vùng lõi bờ) từ cách đây hơn 2.000 năm

Luận điểm này được Bộ Ngoại giao Trung Quốc thường nói họ có đầy đủ chứng cứ. Nhưng trên thực tế họ không đưa ra được một bằng chứng xác thực nào mà chỉ là những trích dẫn cắt xén từ các sách cổ của các tác giả Trung Quốc rồi giải thích một cách tùy tiện theo ý mình rằng đó là bằng chứng về việc họ đã phát hiện và khai thác hai quần đảo này¹. Với cách thức tập hợp rất nhiều đoạn trích dẫn có dụng ý chủ quan, cắt xén, lắp ghép tùy tiện là một cách tung hỏa mù, khiến những người không có điều kiện

tim hiểu sâu dễ bị đánh lừa là tư liệu của Trung Quốc rất dày dặn. Tuy nhiên, những đoạn trích như vậy hoàn toàn không có giá trị về việc thực thi chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Điều nguy hiểm là trong lập luận, Trung Quốc thường đề cao cái gọi là “*chủ quyền lịch sử*”, theo đó họ lý sự rằng từ thế kỷ II trước công nguyên, vùng đất nay là trung Trung bộ của Việt Nam, từng là một quận của nhà Hán và như vậy, vùng biển, các đảo thuộc quận này đều là của Trung Quốc. Kiểu lý sự này hết sức phi lý và phản khoa học, nếu không nói là rất phản động và đậm chất thực dân. Khi lập luận như vậy họ cũng đã cố tình quên rằng, cả nước Trung Hoa đã từng nằm dưới ách cai trị của người Mông Cổ từ năm 1271 đến năm 1368. Theo cách lý sự đó, người Mông Cổ hoàn toàn có thể đòi chủ quyền lịch sử đối với toàn bộ lãnh thổ Trung Quốc.

2. Trung Quốc liên tục nắm giữ chủ quyền trên hai quần đảo này

Để “gò theo” một nguyên tắc rất cơ bản của luật pháp quốc tế là chủ quyền phải được thực thi liên tục (khác với cái gọi là chủ quyền lịch sử), phía Trung Quốc đã cố tìm ra mỗi thời vài ba sự kiện để chứng minh họ liên tục thực thi chủ quyền trên hai quần đảo này. Có thể dẫn ra đây một số sự kiện kiểu như vậy để dễ hình dung.

Trung Quốc thừa hiểu rằng lập luận về chủ quyền lịch sử của họ (dù chẳng ai thừa nhận) thì cũng không thể kéo dài sau chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền năm 938 nên họ ra sức tìm kiếm chứng cứ từ đời Tống (thành lập năm 960). Họ viện dẫn các sách *Lĩnh ngoại đại đáp* của Chu Khứ Phi, *Chư phiên chí* của Triệu Nhữ Quát những đoạn nói về hai quần đảo Vạn Lý Trường Sa và Thiên Lý Thạch Đường (mà sau này Trung Quốc nói là tên khác của Tây Sa/Hoàng Sa và Nam Sa/Trường Sa)². Nhưng như tên gọi của những sách này, “*Lĩnh ngoại*” là ngoài biên giới Trung Quốc, nói về những chuyện bên ngoài. “*Chư phiên*” là các nước Trung Quốc cho là chư hầu của mình, chuyện chép về các nước xung quanh mình. Do vậy, những mô tả về biển đảo hoặc hải trình đi tới các nước như Giao Chỉ, Chiêm Thành, Chân Lạp thì tên các quần đảo Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường (mà Trung Quốc cho là Tây Sa và Nam Sa) được nhắc đến để chỉ vị trí hoàn toàn không có ý nghĩa nào trong việc xác định chủ quyền của Trung Quốc. Đây là chưa kể từ ngữ dùng trong các sách này cho thấy tác giả cũng chỉ nghe truyền lại, chứ không biết đích xác ra sao.

Sang đến thời kỳ Trung Quốc bị người Mông Cổ chinh phục, lập ra triều Nguyên (nay Trung Quốc nhận là của Trung Quốc), họ dẫn một vài sự kiện chép trong *Nguyên Sử* như việc thủy quân nhà Nguyên đi qua “*Thất Châu Dương, Vạn Lý Thạch Đường*” để nói họ thực thi chủ quyền trên hai quần đảo. Thực ra đây là sự kiện quân Nguyên trên đường đi đánh Java năm 1293. Hay việc năm 1279 Quách Thủ Kính theo lệnh vua Nguyên tiến hành đo đạc thiên văn ở 27 nơi, trong đó có một điểm tương đương với Hoàng Sa của Việt Nam. Trung Quốc cho rằng, sự kiện này góp phần khẳng định chủ quyền của họ vào thời Nguyên trên quần đảo Hoàng Sa. Khi lập luận họ đã không dẫn giải hết rằng cùng thời điểm đó, Quách Thủ Kính đã tiến hành đo đạc trên một phạm vi rất rộng, *phía Đông đến Cao Ly, phía Tây đến Diên Trì, phía Nam qua Chu Nhai, phía Bắc đến Thiết Lạc* (Siberi), đúng như chỉ dụ của vua Nguyên là đo đạc thiên văn “bốn biển”. Cần nhớ rằng đế chế Đại Nguyên dưới thời Đại Hãn Khubilai/Hốt Tất Liệt (1271-1294) là thời kỳ hùng mạnh nhất và năm 1279 chính là năm lãnh thổ đế chế mở rộng đến cực đại, với diện tích lên tới 24 triệu km², nối liền từ Thái Bình Dương sang đến Địa Trung Hải. Nhưng cũng trong giai đoạn lịch sử này quân và dân Đại Việt đã đại thắng quân Nguyên trên sông Bạch Đằng. Với đà lập luận như vậy, đến một lúc nào đó, khi có điều kiện, Trung Quốc có thể chứng minh chủ quyền của họ trên lãnh thổ Hàn Quốc và Liên bang Nga.

3. “Phát kiến” của Trịnh Hòa thời Minh

Dưới thời Minh, trong khoảng thời gian gần 30 năm, từ 1405 đến 1433, một quan thái giám là Trịnh Hòa trước sau đã có bảy lần vượt biển xuống Đông Nam Á, sang đến Ấn Độ Dương, qua Hồng hải tới các nước Ả Rập và thậm chí xuống đến tận bờ biển Đông Phi. Phía Trung Quốc đề cao sự kiện này và đối với biển Đông, bao gồm hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, thì họ cho đây là bằng chứng hùng hồn của việc thực thi chủ quyền. Chưa nói đến sự phi lý của việc đồng nhất một chuyến du hành biển xa với việc khẳng định chủ quyền, những người muốn lợi dụng sự kiện này để nói về chủ quyền của Trung Quốc trên Biển Đông đã cố tình hay vô ý quên rằng, Trịnh Hòa đã công phu vẽ lại cuộc hành trình của mình thành hàng trăm tấm hải đồ. Trên hải đồ vẽ đoạn đi ngang qua Việt Nam, chú thích ở dưới ghi một hàng chữ nhỏ *Giao chỉ dương* (Biển Giao Chỉ). Giao Chỉ là tên gọi Việt Nam theo cách của Trung Quốc. Như vậy là ở thế kỷ XV, đô đốc Trịnh Hòa chắc chắn am tường chủ quyền các vùng biển, hải đảo mà

ông đi qua hơn những người Trung Quốc hiện nay. Nếu đúng là đã thuộc về Trung Quốc sau chuyến đi của ông, hay đã là của Trung Quốc từ trước đó như chính quyền Trung Quốc hiện đang tuyên truyền thì trên hải đồ vùng này chắc hẳn phải ghi *Đại Minh nam hải*, hay chữ gì đó để ghi nhận chủ quyền của Trung Quốc mới đúng (hình 1, nằm trong vòng là dòng chữ Giao Chỉ dương).



Hình 1: Hải đồ của Trịnh Hòa vẽ đoạn ngang qua Việt Nam, chữ trong vòng là 交趾洋 (Biển Giao Chỉ)

4. Đô đốc triều Thanh Lý Chuẩn chiếm “đảo vô chủ”

Sự kiện vào tháng 6.1909, Đô đốc triều Thanh theo lệnh Tổng đốc Lương Quảng Trương Nhân Tuấn dẫn mấy tàu chiến nhỏ đi vòng xuống một số đảo phía nam Hải Nam không mấy được quan tâm. Đây là lúc nhà Thanh một mặt bị quân Nhật o ép, mặt khác triều đình đang đứng trước nguy cơ bị cách mạng lật đổ (cách mạng Tân Hợi nổ ra vào năm 1911) nên nhà Thanh chẳng có lòng dạ nào để tính đến việc mở rộng chủ quyền ra các đảo phía nam. Phải đến 12 năm sau, vào tháng 3.1921, chính quyền quân sự tỉnh Quảng Đông của Trung Hoa dân quốc lợi dụng hoàn cảnh Việt Nam bị thực dân Pháp xâm lược đã ký sắc lệnh nhập Tây Sa vào huyện Châu Nhai, phủ Quỳnh Châu (Hải Nam). Đây là lần đầu tiên tên Tây Sa xuất hiện và cũng là lần đầu tiên Trung Quốc đương nhiên coi Hoàng Sa của Việt Nam là của mình bằng một sắc lệnh. Hành động này của chính quyền mới tiến hành đồng thời với việc làm rùm beng sự kiện mà họ gọi là Đô đốc Lý Chuẩn thu

phục Tây Sa, mô tả các đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa như các đảo hoang vô chủ. Đây có thể xem như một bước ngoặt trong ý đồ bành trướng xuống Biển Đông của Trung Quốc. Trong thư đề ngày 4.5.1909, lãnh sự Pháp ở Quảng Châu gửi cho Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Pháp có nói cuộc khảo sát trái phép của đoàn tiền trạm do Ngô Kính Vinh, trước đoàn của Lý Chuẩn đã cho thấy ở mỗi đảo Hoàng Sa đều có một ngôi miếu nhỏ xây kiểu nhà đá, tất cả tường mái là đá san hô và vỏ sò. Và đặc biệt trên đảo có các ngư dân Việt Nam. Họ mang cả vợ con đến sống ở Hoàng Sa và bị đối xử tàn tệ, bị bắt đến Hải Nam³. Những thông tin này cho thấy, khi quân tướng nhà Thanh kéo đến vào năm 1909, Hoàng Sa không phải là đảo hoang, cho dù lúc ấy có thể người Pháp chưa kịp tới tiếp tục quyền quản lý. Việc Trung Quốc đề cao sự kiện Lý Chuẩn ra Hoàng Sa không có ý nghĩa gì vì Việt Nam đã có đầy đủ chứng cứ xác thực, đáng tin cậy và phù hợp với luật pháp và thông lệ quốc tế về thụ đắc lãnh thổ và chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ thế kỷ XVII.

5. Tham vọng “đường lưỡi bò”

Có thể nói, đường chín đoạn (hay còn gọi là đường chữ U, đường lưỡi bò) là biểu tượng tập trung cho tham vọng của Trung Quốc về Biển Đông và các hải đảo trong đó. Năm 2009, Trung Quốc đã chính thức đệ trình và yêu cầu lưu truyền trong các nước thành viên Liên hợp quốc bản đồ thể hiện yêu sách về chủ quyền biển đảo của mình, trong đó 80% Biển Đông được bao bởi đường chữ U với ý nghĩa thuộc chủ quyền của Trung Quốc. Từ đó đến nay, Trung Quốc ra sức quảng bá, tuyên truyền và áp đặt biểu tượng này ở bất cứ đâu có thể như in bản đồ, đưa vào rất nhiều loại sách phát hành ra ngoài, in cả lên hộ chiếu của công dân Trung Quốc và ngang nhiên tuyên bố họ đã có chủ quyền đối với cả vùng này từ hơn 2.000 năm nay. Nhưng trên thế giới (nhất là với những người không tìm hiểu kỹ) cũng ai ngờ rằng cái ranh giới phản ánh tham vọng cháy bỏng ấy của Trung Quốc lại được vẽ ra một cách tùy tiện, vô căn cứ và ngang ngược đến thế. Cho đến nay, không biết đích xác khi nào và ai là tác giả đã phóng tác ra đường chữ U đầy tham vọng đó. Trung Quốc cũng

chưa bao giờ giải thích với thế giới cũng như trong các cuộc họp song phương với các nước trong khu vực Biển Đông về việc này. Chính các học giả Trung Quốc cũng lúng túng và giải thích rất khác nhau về nguồn gốc và ý nghĩa của nó. Vậy mà vào năm 1948, chỉ ít tháng trước khi bị đánh bật khỏi lục địa, chính quyền Tưởng Giới Thạch đã cho in hình vẽ kỳ quặc này lên bản đồ có tên *Bản đồ vị trí các đảo Nam hải* (南海诸岛位置图) do Vụ Biên giới và Lãnh thổ, Bộ Nội vụ chính thức ấn hành. Ở thời điểm này, hình chữ U gồm 11 đoạn đứt khúc ôm trọn cả vịnh Bắc Bộ và hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Năm 1949, Đảng Cộng sản Trung Quốc giành thắng lợi trong cuộc nội chiến với Quốc dân đảng, thiết lập quan hệ ngoại giao hữu hảo với Việt Nam. Tuy nhiên, họ vẫn tiếp tục thực hiện tham vọng “đường chữ U”. Năm 1953, chính quyền CHND Trung Hoa cho vẽ lại bản đồ vẫn giữ lại đường cong đứt khúc, nhưng đã bỏ bớt 2 đoạn trong vịnh Bắc Bộ, nên chỉ còn lại 9 đoạn.

Tính chất tùy tiện và phi lý của đường chữ U trước hết ở chỗ lúc đầu nó được vẽ ra bằng tay bởi một người tên là Hu Jinjie đầu đó vào năm 1914 và đến năm 1947, một viên chức của Cộng hòa Trung Hoa tên là Bai Meichu vẽ lại đường này trong một bản đồ cá nhân⁴. Những bản đồ có đường chữ U 11 đoạn do Trung Hoa dân quốc in và 9 đoạn của chính quyền CHND Trung Hoa đều không phát hành rộng rãi nên ít người biết và nhất là, không ai có thể tin đấy là một yêu sách lãnh thổ. Cách làm thiếu minh bạch như vậy nhưng năm 2009, khi yêu cầu Liên hợp quốc lưu hành tám bản đồ phi lý này, Trung Quốc đã ngang nhiên nói rằng đã công bố nó hơn nửa thế kỷ mà không ai có ý kiến gì. Tham vọng của Trung Quốc ngày càng lộ rõ. Đây là một ý đồ chiến lược, lâu dài và quyết thực hiện bằng mọi thủ đoạn.

6. *Viện cố thư của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng*

Trước hết phải thấy việc viện dẫn một bức thư đây tính ngoại giao của cá nhân Thủ tướng Phạm Văn Đồng trong thời khắc cực kỳ khó khăn của Việt Nam để đòi chủ quyền lãnh thổ, Trung Quốc đã cho thấy họ có thể làm bất cứ điều gì vì lợi ích của họ. Đây không phải là cách hành xử bạn bè.

Nhưng dù thế nào thì cũng cần làm rõ thực chất của vấn đề để hiểu rõ thêm tính chất vô lý trong việc viện dẫn này của phía Trung Quốc. Trước hết, Trung Quốc luôn nói bức thư của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng gửi Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai là *Công hàm*. Đây là cách Trung Quốc cố tình làm theo lối

“*lập lò đánh lận con đen*”. Cho dù lúc đó ông Phạm Văn Đồng đang giữ chức vụ Thủ tướng Chính phủ, nhưng hình thức văn bản là một bức thư của cá nhân Thủ tướng thông báo cho ông Chu Ân Lai việc Chính phủ Việt Nam ghi nhận và tán thành quyết định của Trung Quốc về hải phận 12 hải lý. Tuyên bố như vậy là rõ ràng. Việc Trung Quốc gán ghép ý kiến này vào việc thừa nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là cực kỳ phi lý vì 3 lý do sau đây:

- Sau Hiệp định Geneve năm 1954, vĩ tuyến 17 trở thành giới tuyến tạm thời để phân chia quyền quản lý lãnh thổ cho đến khi tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Năm 1958, việc tổng tuyển cử vẫn chưa diễn ra. Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chịu trách nhiệm quản lý lãnh thổ Việt Nam ở phía bắc vĩ tuyến 17. Hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nằm ở phía nam vĩ tuyến 17. Ở thời điểm đó không có cách giải thích nào nói là Thủ tướng Phạm Văn Đồng có quyền công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo này.

- Theo Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1946, ngay cả trong trường hợp những phần lãnh thổ thuộc quyền quản lý của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Thủ tướng cũng không có quyền quyết định. Thậm chí, một sắc lệnh do Thủ tướng ký cũng phải được Chủ tịch nước phê chuẩn mới được ban hành. Lãnh thổ là vấn đề lớn nên quyền quyết định thuộc về Quốc hội (khi ấy là Nghị viện nhân dân). Nói Thủ tướng Phạm Văn Đồng ký Công hàm công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là không hiểu hoặc cố tình không hiểu luật pháp của Việt Nam. Sự cố tình giải thích sai ấy là vô giá trị.

- Nếu Trung Quốc cố tình đeo bám lý sự này thì vô hình chung họ lại mặc nhiên thừa nhận một điều: phải đến khi Thủ tướng Phạm Văn Đồng gửi thư cho Thủ tướng Chu Ân Lai họ mới được Việt Nam chính thức công nhận chủ quyền trên hai quần đảo. Vậy thì bao nhiêu công sức để chứng minh họ đã xác lập chủ quyền từ thời Tây Hán cách ngày nay hơn 2.000 năm, rồi liên tục thực thi qua các triều đại Đường, Tống, Nguyên (của Mông Cổ), Thanh, Tưởng Giới Thạch thì được ai công nhận?

7. *Dùng vũ lực chiếm đoạt*

Nhìn toàn bộ cách hành xử của Trung Quốc trong quá trình thực hiện ý đồ độc chiếm Biển Đông và lấn dần các đảo thuộc hai quần đảo Hoàng Sa và

Trường Sa của Việt Nam có thể thấy rõ họ luôn luôn ỷ vào sức mạnh để áp chế và lợi dụng khi Việt Nam gặp khó khăn thì tấn công chiếm đoạt.

Hai đảo lớn thuộc hai quần đảo bị chiếm đầu tiên đều vào năm 1956. Lợi dụng tình hình ở Việt Nam vừa kết thúc 300 ngày tập kết, người Pháp rút khỏi hai quần đảo mà không kịp bàn giao, chính quyền miền Nam còn bẽ bộn công việc cũng chưa ra tiếp quản, quân giải phóng Trung Quốc tiến ra chiếm đảo Phú Lâm (sau họ đổi thành Vĩnh Hưng), quân Tưởng Giới Thạch nhảy vào chiếm giữ trái phép đảo Ba Bình (sau họ đổi tên thành đảo Thái Bình).

Năm 1974, sau khi đã ký thông cáo chung Thượng Hải với Hoa Kỳ với những đổi chác vô cùng tệ hại, năm 1974 lợi dụng tình thế chiến tranh ở miền Nam Việt Nam đang trong giai đoạn vô cùng ác liệt, Trung Quốc đã cho quân đội tiến chiếm trái phép toàn bộ các đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa.

Năm 1988, lợi dụng Việt Nam đang trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn sau hàng loạt sự kiện do chính họ gây ra (kích động và hậu thuẫn Khmer đỏ gây chiến tranh biên giới Tây - Nam, trực tiếp dùng 60 vạn quân tấn công từ phía Bắc, tìm mọi cách cô lập Việt Nam trên trường quốc tế...), Trung Quốc đã ngang nhiên tấn công vào các đảo thuộc quần đảo Trường Sa, chiếm đóng trái phép đảo Gạc Ma và một số bãi ngầm.

Ngày 1.5.2014, Trung Quốc đã ngang nhiên đưa vào vùng đặc quyền kinh tế trong thềm lục địa của Việt Nam giàn khoan Hải Dương 981 với hơn 100 tàu, bao gồm cả tàu chiến hộ tống và máy bay uy hiếp. Khi các lực lượng chấp pháp của Việt Nam thi hành chức trách, các tàu Trung Quốc đã tấn công bằng vòi rồng công suất mạnh và đâm húc rất hung hãn.

Có thể nói, tất cả những đảo, bãi đá thuộc hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam hiện đang bị Trung Quốc chiếm giữ trái phép đều là kết quả của việc dùng vũ lực cưỡng chiếm. Đây là điều không có một luật quốc tế nào công nhận. Chính vì vậy mà song song với việc dùng vũ lực, lúc công khai hăm dọa, lúc cải trang trá hình, Trung Quốc ra sức tuyên truyền theo cách đổi trắng thay đen, ngụy tạo chứng cứ. Chẳng hạn như vụ chiếm đảo Gạc Ma năm 1988, ai cũng biết những tàu hải quân Việt Nam khi ấy đang làm nhiệm vụ ở Trường Sa đều là tàu vận tải không vũ trang và phía Trung Quốc đã tung các Video clip để ca ngợi chiến công cho thấy chiến

hạm của họ đã mặc sức dùng pháo bắn xối xả vào những con tàu chở hàng hầu như không chống cự và kết cục hơn 70 chiến sỹ hải quân Việt Nam đã bị sát hại. Vậy mà họ nói rằng tàu của Trung Quốc đang nghiên cứu thăm dò mỏ dầu thì hải quân Việt Nam nổ súng tấn công, vì thế hải quân Trung Quốc “bắt buộc phải tự vệ”. Khi hạm đội Trung Quốc di chuyển tới họ lại lấy danh nghĩa đưa phái đoàn khảo sát của Liên hợp quốc đi nghiên cứu, nhưng ngay sau đấy tổ chức Liên hợp quốc đã cải chính họ không có đoàn nghiên cứu nào ra đó trong thời gian ấy. Về việc chiếm đóng trái phép thì họ nói “chỉ chiếm đóng các đảo còn bỏ hoang, chứ không tranh chấp các đảo có lực lượng nước ngoài chiếm đóng từ trước”.

Trong toàn bộ quá trình từng bước thực hiện ý đồ lấn dần các đảo tiến tới độc chiếm Biển Đông, bên cạnh phương pháp chủ đạo là ỷ vào sức mạnh, dùng vũ lực để giải quyết, Trung Quốc rất dày công trong việc ngụy tạo chứng lý và tìm tòi ra cách lập luận có lợi cho họ. Nhưng như một quy luật khách quan, hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa chưa bao giờ thuộc về Trung Quốc nên càng cố gắng thì thế giới càng thấy rõ tính chất phi lý, phản khoa học của những lập luận và chứng lý mà họ nêu ra.

Chú thích và tài liệu tham khảo

¹ Xin xem thêm Vũ Minh Giang: *Căn cứ khoa học về chủ quyền Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam số 21 (664)/2013.

² Phần lớn các tài liệu này đều được dẫn lại trong sách *Thái Bình ngự lãm* (太平御覽) của Lý Phục ông, được biên soạn vào thời Tống, muộn hơn thời của các nguyên tác. Những đoạn trích này được tập hợp trong cuốn sách do Hàn Chấn Hoa chủ biên. Xin xem 韩振华(主编): 我國南海諸島史料匯編. 厦门大学南洋研究院出版 1985年 và 东方出版社 1988年7月第1版.

³ Dẫn theo Nguyễn Nhã: *Quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*. Luận án tiến sỹ khoa học lịch sử.

⁴ Yu, Peter Kien-Hong: *The Chinese (broken) U-shaped line in the South China Sea: points, lines, and zones*, Contemporary Southeast Asia, 01/12/2003, tr. 2. Dẫn theo Nguyễn Hồng Thao: *Yêu sách “đường đứt khúc 9 đoạn” của Trung Quốc dưới góc độ luật pháp quốc tế*. nghiencuubiendong.vn.